TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2017
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Xuân Dệt
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 683/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2016, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2017/QĐST- HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị P, sinh năm 1987. Địa chỉ: đường D, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh L, sinh năm 1987. Địa chỉ: đường M, tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2016, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị P và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 88, ngày 11/11/2011. Sau khi kết hôn, chị P và anh L chung sống tại địa chỉ: đường M, tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống thì chị P và anh Lthường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới gia đình không có tiếng nói chung. Anh L thường xuyên gây gổ đánh đập chị P. Để giữ hạnh phúc gia đình chị P đã cố gắng chịu đựng, níu kéo và khuyên nhủ anh L. Đến nay, anh L không thay đổi tính tình, không quan tâm đến gia đình. Chị Pnhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Từ

đầu năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị Phượng đã chuyển về địa chỉ đường D, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là nhà của cha mẹ đẻ để sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm gì tới nhau và anh Lcũng không có thể hiện mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Vì vậy, chị P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị P và anh L có 01 con chung là cháu L, sinh ngày 17/3/2012. Hiện cháu Lđang sống chung với chị P nên chị P yêu cầu được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu anh Linh phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh L đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 07 tháng 6 năm 2017, tại: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai xác định chị P và anh L sau khi kết hôn chung sống với nhau tại: đường M, tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tại thời điểm xác minh thì chị P không còn sinh sống tại địa chỉ này.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Chị P và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P.

Về hôn nhân: Chị P được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao con chung L, sinh ngày 17/3/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị P có đơn yêu cầu tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh L, địa chỉ: đường M, tổ 7, phường L, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là anh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 88, ngày 11/11/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị P và anh L là hợp pháp.

[3] Chị P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh L thường xuyên gây gổ đánh đập chị P nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân chị P đã chuyển về nhà của cha mẹ đẻ để sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm gì tới nhau và anh L cũng không có thể hiện mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng thì thấy rằng chị P và anh L không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P, không có thiện chí để Tòa án hòa giải đoàn tụ mà để mặc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[4] Về con chung: Chị P và anh Lcó 01 con chung là cháu L, sinh ngày 17/3/2012. Hiện cháu L đang ở chung với chị P và anh L không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng nuôi con. Mặt khác, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu L được chị P chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị P.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P

Về hôn nhân: Chị P được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao con chung cháu L, sinh ngày 17/3/2012 cho chị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Về án phí: Chị P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000026 ngày 07/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, như vậy chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Thắng Lợi
(Giấy CNKH số 88, số 01/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 28 tháng 10 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường Nhi với bị đơn là anh Trần Quang Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người thạm gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường Nhi.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường Nhi được ly hôn với anh Trần Quang Vinh.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường Nhi được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường Nhi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**